



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
KIM KHÍ THĂNG LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2023

## TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, thù lao HĐQT và ban kiểm soát, lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023 của Công ty Cổ phần Kim Khí Thăng Long)

### **Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty cổ phần Kim Khí Thăng Long**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Kim Khí Thăng Long đã được Đại hội cổ đông Công ty thông qua ngày 11/06/2021;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty cổ phần Kim Khí Thăng Long đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán ASSC kiểm toán.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** Công ty cổ phần Kim Khí Thăng Long Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023, xem xét thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 với các nội dung sau:

#### **1/ Báo cáo tài chính tóm tắt năm 2022**

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>448,183,388,461</b>	<b>477,103,819,922</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,285,020,735	3,851,704,620
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7,400,037,999	1,629,460,405
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175,832,747,617	178,513,564,688
IV. Hàng tồn kho	140		236,806,282,052	271,813,418,219
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,859,300,058	21,295,671,990
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>566,319,897,126</b>	<b>575,249,670,380</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,135,000,000	2,972,093,000
II. Tài sản cố định	220		196,974,621,584	230,072,938,032
III. Bất động sản đầu tư	230		160,973,389,478	166,437,273,158
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,555,859,450	2,853,607,187
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		131,914,125,746	135,302,230,056
VI. Tài sản dài hạn khác	260		71,766,900,868	37,611,528,947
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1,014,503,285,587</b>	<b>1,052,353,490,302</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>638,297,506,762</b>	<b>691,445,016,453</b>
I. Nợ ngắn hạn	310		570,302,517,618	606,493,190,444
II. Nợ dài hạn	330		67,994,989,144	84,951,826,009
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>376,205,778,825</b>	<b>360,908,473,849</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410		375,683,517,809	360,386,212,833
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		522,261,016	522,261,016
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1,014,503,285,587</b>	<b>1,052,353,490,302</b>

## 2/ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.101.025,79	
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	28.724,51	
3	Lợi nhuận khác	1.214,68	
4	Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	29.939,19	
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (%)	8,61	
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	1.559	

Trên đây Tôi vừa thông qua số liệu Báo cáo tài chính một cách tóm tắt nhất, Kính mong Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 phê chuẩn số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán hoàn thành ngày 30/03/2023 (Có chi tiết Báo cáo đính kèm)

## 3/ Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế và chi trả cổ tức năm 2022

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

STT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
1	Lợi nhuận chưa PP đến cuối kỳ trước	195,448
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2022	29,939,195,207
3	Trích quỹ đầu tư phát triển (30%)	8,981,758,562
4	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,205,300,903
5	Trích quỹ thưởng người quản lý chuyên trách năm 2022	192,331,190
6	Lợi nhuận năm 2022 sau khi trích các quỹ	10,559,804,552